

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị G - sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ (ĐKHKTT): khóm K, phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Nhà trọ O, đường C, khóm A, phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh T - sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ (ĐKHKTT): khóm K phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân Cư Q, ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị G và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống không có tìm hiểu, hôn nhân do mai mối. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh T không phụ tiếp chị G về kinh tế gia đình, đi làm nhưng không bền lâu mà thường xuyên nghỉ để nhậu, có lối sống buông thả, thường xuyên đi đến những quán nhậu không lành mạnh; khi nhậu về có những hành vi, lời nói thiếu tế nhị, chưởi mắng, xúc phạm chị G và mẹ chị G, có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị G. Ngoài ra, vào khoảng năm 2018, cha chồng chị G có cho hai vợ chồng 200.000.000 đồng để cất nhà, anh T tự ý mua đất cất nhà mà không bàn bạc với chị G. Hơn 10 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn như trước, mạnh ai nấy sống, vì các con nên chị G đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh T. Nay chị G nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị G xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T. Chị G yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên H - sinh năm: 1993 (hiện đã có vợ, con, có cuộc sống riêng ở phường Đ, TP S nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết), R - sinh năm: 1995 (hiện đang sống tự lực ở TP Hồ Chí Minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết) và M - sinh ngày: 01/11/2003 (hiện đang sống với anh T); khi ly hôn, chị G đồng ý để cháu M cho anh T nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị G và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị G xác định là không có, chị G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị G về thời gian chung sống; anh T với chị G chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước, chị G đối xử lạnh nhạt với anh T. Trong thời gian chờ cất nhà, thì chị G và con cái thuê nhà trọ sinh sống. Sau khi anh T xây dựng nhà xong, anh T kêu nhiều lần chị G mới chịu về ở được khoảng nửa tháng thì vợ chồng cự cãi, chị G lại ra ngoài thuê nhà trọ sống tiếp. Khoảng vài tháng sau, anh T năn nỉ quay về nhưng về ở được 01 tháng lại tiếp tục cự cãi; ngoài ra anh T còn nghe chị G nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, xưng hô anh em với nhau nên vợ chồng cự cãi, anh T nóng giận có quơ tay đánh chị G, sau đó chị G lại tiếp tục ra ngoài thuê nhà trọ để ở cho đến nay. Anh T cũng nhiều lần đến năn nỉ chị G về nhà sống, nhưng chị G không đồng ý và nộp đơn khởi kiện.

Anh T thừa nhận, bản thân cũng thường xuyên nhậu, nhưng chỉ khi nào công việc xong anh T mới nhậu và chỉ nhậu vào buổi chiều tối. Trước đây, khoảng 10 năm về trước anh T có đánh chị G, nhưng không thường xuyên. Thời gian khoảng 10 năm trở lại đây thì anh Thiện không có đánh chị Giang nữa; cách nay khoảng 02 tháng do anh T ghen tuông, nghi ngờ chị Giang có tình cảm với người đàn ông khác, không cho anh T quan hệ sinh lý vợ chồng nên hai bên cự cãi và anh T có đánh chị G. Nay về tình cảm, anh T còn thương chị G, anh T không đồng ý ly hôn chị G.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên H - sinh năm: 1993 (hiện đã có vợ, con, có cuộc sống riêng ở phường Đ, TP S nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết), R - sinh năm: 1995 (hiện đang sống tự lực ở TP Hồ Chí Minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết) và M - sinh ngày: 01/11/2003 (hiện đang sống với anh T); khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh T và chị G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định là không có, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị G và anh T là cháu M trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu Trâm có nguyện vọng được sống chung với cha là anh T.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh T.

- Về nuôi con chung: Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên M - sinh ngày: 01/11/2003 (hiện đang sống với anh T); anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với anh H - sinh năm: 1993 và anh R - sinh năm: 1995, đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về hôn nhân*: Chị G và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, chị G và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị G và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị G và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, chị G xác định không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh T và có yêu cầu được ly hôn anh T. Về phía anh T, mặc dù không đồng ý ly hôn chị G, anh T vẫn còn tình cảm với chị G; tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh T thừa nhận là ít quan tâm, chăm lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, trong lúc nóng giận có đánh chị G, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh

phúc; đồng thời tại phiên tòa hôm nay, anh T xác định là nếu anh T có sửa đổi tính tình thì cũng không biết sửa đổi như thế nào và nếu có tiếp tục chung sống như vợ chồng thì cũng sẽ cự cãi, gây gổ và không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu vợ chồng giữa chị G và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị G yêu cầu được ly hôn anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G; nhưng do chị G và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh T.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, xét yêu cầu của chị G yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nuôi con chung*: Có 03 con chung tên H - sinh năm: 1993 (hiện đã có vợ, con, có cuộc sống riêng ở phường Đ, TP S nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết), R - sinh năm: 1995 (hiện đang sống tự lực ở TP Hồ Chí Minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết) và M - sinh ngày: 01/11/2003 (hiện đang sống với anh Thiện); khi ly hôn, chị G đồng ý để cháu M cho anh T nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H - sinh năm: 1993 và anh R - sinh năm: 1995, đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết. Riêng cháu M - sinh ngày: 01/11/2003, hiện đang sống ổn định với anh T; khi ly hôn, chị G đồng ý để cháu M cho anh T nuôi dưỡng; Mặt khác, nguyện vọng của cháu M cũng mong muốn được chung sống với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu M cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu M và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu M. Chị G được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về chia tài sản chung*: Do các bên đương sự tự thỏa thuận, chị G, anh T không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị G và anh T cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh T.

2. *Về nuôi con chung*: Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên M - sinh ngày: 01/11/2003. Anh Thiện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị G nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị G đã nộp ngày 27/6/2019 theo biên lai thu số 0009761 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh